

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 211/2024/DS-PT

Ngày 16/9/2024

V/v: tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Văn Dũng

Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- ***Thư ký phiên tòa:*** bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:***
bà Lữ Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long
xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 208/2024/TLPT- DS, ngày 05 tháng 8
năm 2024, về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2024/DS-ST, ngày 18 tháng 6 năm 2024 của
Toà án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 255/2024/QĐ-PT, ngày
09 tháng 8 năm 2024, giữa:

1. Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Ngọc T, sinh năm 1967 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Lê Tấn P, sinh năm 1976. Địa
chỉ: số F đường C tháng 2, khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (theo văn
bản ủy quyền ngày 19/10/2023) (có mặt).

2. Bị đơn:

2.1. Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1961 (có mặt)

2.2. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp Q, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người đại diện hợp pháp của các bị đơn là anh Phan Thanh L, sinh năm
1987. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày
13/9/2024) (có mặt).

Người kháng cáo: ông Nguyễn Văn T1 là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 09/10/2023 của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Ngọc T và trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của bà T trình bày:

Vào ngày 01/3/2013 bà Nguyễn Thị Ngọc T có cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D mượn 83,5 chỉ vàng 24k, theo thỏa thuận khi nào bà T có nhu cầu sử dụng thì vợ chồng ông T1 phải trả đủ vàng đã vay, do bà T và ông T1 là anh em ruột nên không có làm biên nhận.

Đến ngày 04/7/2021 ông T1, bà D có trả cho bà T 24 chỉ vàng 24k, còn nợ lại 59,5 chỉ vàng 24k, bà Nguyễn Thị D đại diện ký tên vào biên nhận còn nợ bà T 59,5 chỉ vàng 24K. Đầu năm 2023 bà T cần vốn làm ăn nên đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông T1 trả nợ, nhưng vợ chồng ông T1 dùng lời lẽ thô tục chửi bà T, thậm chí còn lấy dao đe dọa đòi chém bà T nên bà T làm đơn yêu cầu Ban N. Vào ngày 20/9/2023 tổ hòa giải ấp Q tiến hành hòa giải, nhưng không thành, vì bà D hứa trả lần từng chỉ cho đến khi đủ số vàng trên, nhưng không hứa thời gian nào sẽ trả và ông T1 trình bày: số vàng trên là vốn và tiền lãi nên ông chỉ đồng ý trả cho bà T một lượng bảy vàng 24K. Do ông T1 và bà D đã xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu ông T1 và bà D có trách nhiệm liên đới trả cho bà T 59,5 chỉ vàng 24k.

Tại bản khai ý kiến ngày 15/12/2023 của ông Nguyễn Văn T1, bà Nguyễn Thị D và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của ông T1, bà D trình bày:

Vào năm 2013, vợ chồng ông T1 có vay của bà T 17 chỉ vàng 24k, bà T tính lãi hàng tháng đến khi trả xong, mức lãi tính bao nhiêu do thời gian quá lâu nên các bị đơn không nhớ. Việc vay vàng không lập thành văn bản, chỉ thỏa thuận bằng lời nói. Đến năm 2022 thì vợ chồng ông T1 đã trả cho bà T cả gốc và lãi tổng cộng 24 chỉ vàng 24K nên bà D và ông T1 không còn nợ bà T. Bà T kiện vợ chồng ông T1 cho rằng nợ đến 83,5 chỉ vàng 24K là không đúng sự thật, bởi vì vợ chồng ông T1 không có nhu cầu vay số vàng nhiều như vậy, hơn nữa thời điểm năm 2013 bà T cũng không có khả năng có hơn 80 chỉ vàng để cho vay. Đối với giấy nợ ghi ngày 04/7/2023 (có dấu hiệu sửa lại năm 2021), vợ chồng ông T1 không nhận số vàng theo giấy nhận nợ này. Giấy nợ chỉ là con số do bà T tự tính lãi, lời như thế nào đó trong số vàng 17 chỉ mà ông T1 vay trước đây. Do bà D không hiểu và lúc đó quá thương em ruột của chồng (bà T em ruột ông T1 và bị bệnh thân kinh) nên bà D đã ký giấy nợ để bà T yên lòng, không phát sinh bệnh nặng hơn. Nay vợ, chồng ông T1 không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn vì đã trả xong nợ cho bà T.

Tại ngày hòa giải 30/9/2023 của ấp Q vợ chồng ông T1 không có đọc lại nội dung và cũng không được nghe tổ hòa giải đọc lại nội dung. Trong nội dung biên bản hòa giải của ấp Q thì vợ chồng ông T1 trình bày là đã trả nợ xong cho bà T, không còn nợ khoản nào nữa.

Bà **Nguyễn Thị D** có người đại diện hợp pháp là anh **Phan Thanh L** trình bày: thống nhất ý kiến của ông **T1** và không có ý kiến gì khác.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 73/2024/DS-ST ngày 18/6/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T**.

Buộc ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị D** có nghĩa vụ liên đới trả bà **Nguyễn Thị Ngọc T** số nợ vay gốc còn lại là 59,5 (năm mươi chín phẩy năm) chỉ vàng 24k.

Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong hạn luật định, bị đơn ông **Nguyễn Văn T1** kháng cáo, không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, vì vợ chồng ông đã trả xong nợ cho bà **T**.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Anh **Phan Thanh L** là người đại diện hợp pháp của ông **T1** vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, ông **T1** không đồng ý trả vàng theo yêu cầu của nguyên đơn, vì các bị đơn không có vay 59,5 chỉ vàng 24K của nguyên đơn.

Anh **Lê Tấn P** là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn không đồng ý kháng cáo của ông **T1**, đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm.

Các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70,71,72 và Điều 234 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông **Nguyễn Văn T1**.

Sửa án sơ thẩm về phần án phí.

Về án phí phúc thẩm: ông **T1** phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn ông **Nguyễn Văn T1** còn trong thời hạn theo quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của ông **Nguyễn Văn T1**;

Nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T** khởi kiện yêu cầu ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị D** có nghĩa vụ liên đới trả bà **T** 59,5 chỉ vàng 24k, tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện là biên nhận đề ngày 4/7/2003 (số 3 sửa thành số 1), theo

nội dung biên nhận thể hiện Nguyễn Thị D có hỏi cô năm T vàng năm cây chín năm phân, có chữ ký và họ tên Nguyễn Thị D.

[3] Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Phan Thanh L là người đại diện hợp pháp của các bị đơn trình bày, vào năm 2013 các bị đơn có vay của nguyên đơn 17 chỉ vàng 24K, đến năm 2021 đã trả xong 17 chỉ vàng vốn và 07 chỉ vàng lãi và trả thêm 10.000.000đ tiền mặt, nhưng việc vay và trả này đều không làm biên nhận. Anh L thừa nhận biên nhận ngày 4/7/2023 là do bị đơn bà Nguyễn Thị D viết toàn bộ nội dung và ký tên, ngoài lời trình bày thì ông T1 không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc bà D bị bà T ép buộc viết biên nhận cũng như việc ông T1 trình bày đã trả đủ số vàng vay mượn của bà T, phía bà T không thừa nhận. Xét thấy tại biên bản hòa giải ngày 30/9/2023 của tổ hòa giải ấp Q, xã T, huyện V thì bà D đồng ý trả bà T số vàng 59,5 chỉ vàng 24K, nhưng xin trả dần từng chỉ cho đến khi đủ số vàng, ông T1 thì đồng ý trả cho bà T 17 chỉ vàng 24K. Tòa án cấp sơ thẩm đã tiến hành xác minh tại địa phương thì tổ trưởng tổ hòa giải ấp Q xác nhận tất cả nội dung trong biên bản hòa giải ngày 06/5/2024 là đúng sự thật và đã đọc cho các đương sự nghe và đồng ý ký tên vào biên bản hòa giải. Tại phiên tòa phúc thẩm anh L thừa nhận nội dung biên bản hòa giải ngày 30/9/2023 do bà D và ông T1 trình bày, ông T1, bà D có ký tên vào biên bản.

Như vậy có căn cứ xác định ông T1, bà D có nợ bà T 59,5 chỉ vàng 24K chưa thanh toán. Do đó án sơ thẩm buộc ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị D có nghĩa vụ liên đới trả bà Nguyễn Thị Ngọc T số nợ vay 59,5 chỉ vàng 24k là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông T1 không xuất trình được chứng cứ nào mới do đó không chấp nhận đơn kháng cáo của ông T1, giữ nguyên án sơ thẩm. Buộc ông T1 và bà D có nghĩa vụ liên đới trả bà T 59,5 chỉ vàng 24K.

[4] Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa đề nghị không chấp nhận kháng cáo của ông T1 là có căn cứ, phù hợp với nhận định trên.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bản án sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nhưng không tuyên hoàn trả tiền tạm ứng án phí nguyên đơn đã nộp 8.226.000đ là thiếu sót nên bổ sung phần này.

[6] Án phí dân sự phúc thẩm: ông T1 phải chịu án phí phúc thẩm, nhưng ông T1 là người cao tuổi, có đơn xin miễn giảm án phí nên miễn toàn bộ án phí cho ông T1 theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;
Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Văn T1;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số: 73/2024/DS-ST, ngày 18 tháng 6 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long về phần án phí.

Căn cứ vào các Điều 166, Điều 288, Điều 463, Điều 465, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Nguyễn Thị Ngọc T.**

1. Buộc ông **Nguyễn Văn T1** và bà **Nguyễn Thị D** có nghĩa vụ liên đới trả bà **Nguyễn Thị Ngọc T** số vàng còn nợ là 59,5 chỉ (năm mươi chín chỉ năm phân) vàng 24k.

2. Về án phí:

Hoàn trả bà **Nguyễn Thị Ngọc T** tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 8.226.000đ (Tám triệu hai trăm hai mươi sáu nghìn đồng) theo biên lai số 0008503 ngày 14/11/2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long.

Án phí dân sự phúc thẩm: ông **Nguyễn Văn T1** không phải chịu án phí phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình